

MARKET LENS

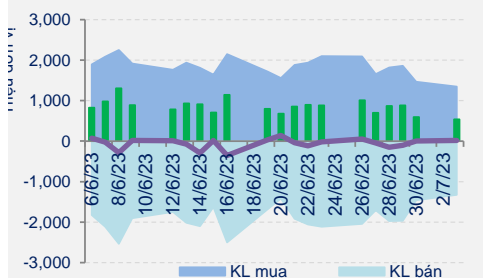
 Phiên giao dịch ngày: **3/7/2023**

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

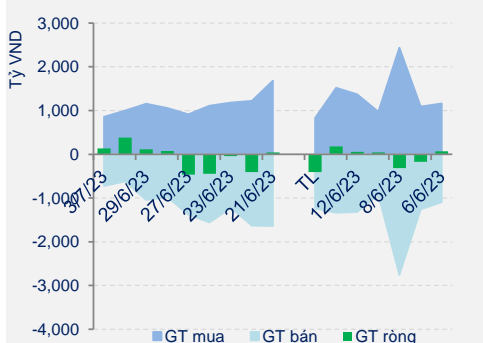
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,125.50	226.60
% Thay đổi	↑ 0.47%	↓ -0.32%
KLGD (CP)	538,390,158	79,796,069
GTGD (tỷ đồng)	10,777.31	1,154.35
Tổng cung (CP)	1,324,742,678	157,850,800
Tổng cầu (CP)	1,345,095,531	117,800,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	23,665,500	456,468
KL mua (CP)	26,214,200	2,461,540
GT mua (tỷ đồng)	857.36	35.44
GT bán (tỷ đồng)	723.66	9.82
GT ròng (tỷ đồng)	133.70	25.62

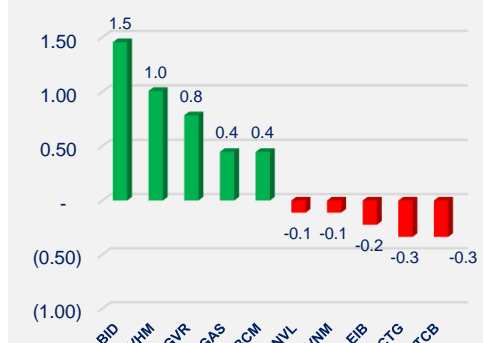
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường đã có phiên giao dịch đầu tiên của Quý III/2023 khá tích cực khi đầu phiên tăng điểm, sau đó chịu áp lực điều chỉnh nhẹ về vùng 1.120 điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng 5,32 điểm (+0,47%) lên 1.125,50 điểm, vượt lên vùng giá cao nhất tháng 01/2023. HNX-INDEX kém tích cực giảm 0,72 điểm (-0,32%) về mức 226,60 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết cải thiện, phục hồi tích cực trở lại với tổng cộng 351 mã tăng giá (11 mã tăng trần), 254 mã giảm giá (13 mã giảm sàn) và 116 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết giảm khá mạnh trong phiên đầu tiên của quý III khi chỉ có 11,927,87 tỷ đồng được giao dịch dưới mức trung bình. Thể hiện tâm lý thận trọng và mức độ phục hồi với thanh khoản kém ở nhiều mã, nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng giá trị 133,70 tỷ đồng trên HOSE, trong đó tập trung mua ròng ở nhóm thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán, mua ròng trên HNX với giá trị 25,62 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Manufacturing Purchasing Managers' Index™ (PMI®) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global PMI trong tháng 6 đạt 46,2 điểm, tăng so với mức 45,3 điểm của tháng 5 nhưng vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ tư liên tiếp. Điều này cho thấy sức khỏe ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục suy giảm. Phần nào dẫn đến tâm lý thận trọng hơn với thanh khoản giảm khá mạnh. Trong đó nhóm ngân hàng có diễn biến phân hóa mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh, giao dịch với thanh khoản thấp với NVB (-3,92%), EIB (-3,06%), TCB (-1,08%), CTG (-0,85%) ... ngoài các ngân hàng có giao dịch đột biến tích cực như NAB (+4,96%), SHB (+3,60%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản sau những phiên chịu áp lực bán, nhiều mã vẫn tiếp tục điều chỉnh, thanh khoản ở mức thấp với NVL (-2,02%), NLG (-1,52%), NHA (-1,34%), CEO (-1,26%)... bên cạnh các cổ phiếu phục hồi tốt như LGL (+5,65%), HDC (+2,50%), ITC (+1,67%), VHM (1,64%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu thủy sản lại có diễn biến rất tích cực khi nhiều mã tăng mạnh, thanh khoản đột biến với VHC (+6,92%), ACL (+4,89%), CMX (+4,71%), ANV (+4,46%), FMC (+4,00%)... Các cổ phiếu phân bón cũng tăng giá tích cực trước kỳ vọng giá phân bón tăng như DDV (+3,92%), BFC (+3,34%), DCM (+3,22%), DPM (+2,59%)...

Các cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến tích cực khi bắt đầu Quý III, duy trì xu hướng tăng trưởng tốt hơn thị trường chung, khi nhiều mã dần có thông tin kết quả kinh doanh quý II tích cực như PVS (+2,47%), PVC (+1,66%), PVD (+1,43%), GSP (+1,28%)... Nhóm cổ phiếu cảng biển, vận tải biển đa số cũng có diễn biến khá tích cực, thanh khoản duy trì ở mức trung bình với VOS (+1,98%), DXP (+1,64%), GMD (+1,35%), HAH (+1,33%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng 0,2 điểm (+0,02%) thu hẹp mức chênh lệch còn -5,87 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch, khối lượng mở OI xu hướng giảm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 tiếp tục thu chênh lệch dần còn từ -8,87 điểm đến -19,67 điểm so với VN30. Cho thấy các trader đang kỳ vọng xu hướng tích lũy của VN30 và các vị thế chủ yếu đang đầu cơ trong phiên.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Phiên đầu tuần thị trường hồi phục sau khi VnIndex điều chỉnh chạm ngưỡng hỗ trợ MA20 tại 1.120 điểm. Xét về mặt kỹ thuật, VnIndex hiện vẫn đang trong khu vực sóng hồi và vận động tốt dựa trên nền tảng tích lũy trung hạn với kháng cự gần là khu vực đỉnh của ngày 28/6/23 (1.140 điểm) và xa hơn là ngưỡng kháng cự mạnh quanh 1.150 điểm. Trong ngắn hạn nếu không giữ được ngưỡng 1.120 điểm, chỉ số có thể lui về vùng hỗ trợ thấp hơn quanh 1.100 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau nhịp điều chỉnh từ cuối tuần trước, VnIndex đã kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ 1.120 điểm và việc hồi phục trong phiên hôm nay là tín hiệu tích cực cho thấy khả năng thị trường tiếp tục duy trì đà tăng. Phiên hôm nay VnIndex tăng +5,32 điểm (+0,47%) và đóng cửa ở 1.125,50 điểm đồng thời vẫn nằm trên ngưỡng hỗ trợ 1.120 điểm do vậy xu hướng ngắn hạn của chỉ số chưa thay đổi và được dự báo sẽ sớm tích cực trở lại để hướng tới các mốc điểm cao hơn. Tuy nhiên trên đường hướng tới ngưỡng kháng cự mạnh 1.150 điểm có thể sẽ có nhiều rung lắc trong thời gian tới.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường đang trong giai đoạn hồi phục sau khi đã bứt phá ra khỏi vùng tích lũy rất tốt trong 6 tháng trước đây và tạo cơ sở cho khả năng trong trung hạn VnIndex còn có thể hình thành Uptrend. Hiện tại VnIndex đang sắp tiếp cận vùng cản mạnh quanh 1.150 điểm, nếu VnIndex vượt qua ngưỡng cản này sẽ hình thành uptrend nhưng chúng tôi cho rằng thị trường sẽ cần nhiều thời gian hơn để tích lũy trước khi vượt cản mạnh, đồng thời để có thể hình thành uptrend cần thêm hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô tích cực. Với nền tảng hình thành sóng rất tốt trong thời gian qua (chúng tôi đã phân tích kỹ trong các bản tin trước đây) có thể kỳ vọng thị trường có cơ sở hình thành uptrend trung hạn.

Thị trường ngắn hạn dự báo vẫn tiếp tục có các nhịp rung lắc, điều chỉnh trong sóng hồi hướng tới ngưỡng kháng cự mạnh 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn có thể tranh thủ nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục nhưng nên duy trì tỷ trọng trung bình và hạn chế mua đuổi cổ phiếu giá cao. Nhà đầu tư trung và dài hạn đã giải ngân trong giai đoạn vừa qua nên duy trì danh mục hiện tại. Trong trường hợp cần giải ngân thêm có thể tận dụng các phiên điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng, hướng giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy hiện nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

3/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
GVR	20.15	18-18.6	22-23	16	24.3	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.40	12.5-13.2	15-15.5	12	16.8	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	35.60	31-32.5	40-42	29	16.8	-1.3%	-68.0%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	37.45	34-36	42-43	32	8.5	-5.3%	-55.3%	Theo dõi chờ giải ngân
POW	13.30	13.5-13.9	16.5-17	13	18.2	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	27.25	25-26.5	29-30	24	4.8	-32.9%	-84.9%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	35.00	26.4	34-36	34	32.58%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	23.80	18	24-26	23.5	32.22%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	47.50	40	52-54	47	18.75%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.20	25.1	33-34	30.5	32.27%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.00	12.75	18-18.5	13.4	9.80%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	58.40	54.8	65-67	58	6.57%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	29.80	28.05	34-35	28.5	6.24%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	52.60	51	62-64	50	3.14%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

IMF: Tăng trưởng Việt Nam năm nay dự kiến 4,7%

Quỹ Tiền tệ Quốc tế hạ dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm nay xuống 4,7% từ mức 5,8% đưa ra hồi tháng 4. Trưởng nhóm phụ trách Việt Nam của IMF, cho biết quá trình phục hồi kinh tế sau Covid-19 của Việt Nam đã bị gián đoạn do áp lực tỷ giá hối đoái đã gia tăng trong suốt năm ngoài khi lãi suất toàn cầu tăng mạnh và do cầu bên ngoài giảm mạnh kể từ cuối năm 2022, với xuất khẩu giảm 12% trong 5 tháng đầu năm 2023.

Nợ công của nước Pháp lần đầu tiên vượt ngưỡng 3.000 tỷ euro

Theo Insee, sau khi tăng mạnh khoản vay nhằm giảm bớt tác động của đại dịch COVID-19 và cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt, nợ công của Pháp tính đến cuối tháng Ba năm nay đã tăng lên 3.010 tỷ euro, tương đương 112,5% Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này, cao hơn nhiều mức mục tiêu 60% của Liên minh châu Âu (EU).

Giá xăng giảm gần 600 đồng một lít

Theo điều chỉnh của liên Bộ Công Thương - Tài chính, các mặt hàng xăng hạ 400-590 đồng một lít so với ngày 21/6, trong khi đó dầu cũng giảm hơn 10-30 đồng một lít, trừ dầu mazut tăng 40 đồng mỗi kg. Như vậy, đây là đợt giảm giá lần đầu của xăng sau hai kỳ giữ nguyên trong nửa cuối tháng 6.

PMI Việt Nam tháng 6/2023 tăng lên mức 46,2 điểm

Báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI®) mới nhất của S&P Global chỉ ra rằng chỉ số PMI trong tháng 6 đạt 46,2 điểm, tăng so với mức 45,3 điểm của tháng 5 nhưng vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ tư liên tiếp. Các nhà sản xuất ở Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn trong khoảng thời gian cuối quý 2 do nhu cầu thị trường yếu kém. Theo đó, sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm. Nguyên do một phần bởi tình trạng thiếu điện do đợt nắng nóng vừa qua.

TIN DOANH NGHIỆP

Thế giới Di động (MWG) sắp chi 731,5 tỷ đồng trả cổ tức năm 2022

Ngày 28/7, Thế giới Di động sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 5% bằng tiền, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 500 đồng và thời gian thanh toán dự kiến 10/8. Với 1.463,01 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính công ty sẽ thanh toán tổng cộng khoảng 731,5 tỷ đồng trong lần trả cổ tức này.

Chủ tịch và Tổng Giám đốc PG Bank xin từ nhiệm

Ông Oliver Schwarzhaupt - Chủ tịch HĐQT PG Bank và ông Nguyễn Phi Hùng - Tổng Giám đốc PGBank đều có đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 02/07/2023. Trong đơn từ nhiệm, hai vị lãnh đạo Ngân hàng cùng cho biết vì lý do cá nhân nên không sắp xếp được thời gian đảm nhiệm công việc được phân công tại PG Bank. Đáng chú ý, ông Oliver Schwarzhaupt xin từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT PG Bank chỉ sau gần 2 tháng nhậm chức.

HBC công bố BCTC 2022 kiểm toán, lỗ ròng thêm 1,429 tỷ

Theo BCTC kiểm toán 2022 vừa được công bố vào cuối tháng 6, CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HOSE: HBC) ghi nhận lỗ ròng năm 2022 gần 2,567 tỷ đồng, tăng 1,429 tỷ đồng so với báo cáo tự lập. Sau kiểm toán, doanh thu thuần của HBC không thay đổi nhiều, duy trì ở mức 14,149 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh thu tài chính lại giảm mạnh 85%, xuống còn 24 tỷ đồng.

NAF sắp chi 226 tỷ thu tóm 1 công ty thực phẩm và nâng sở hữu 1 công ty con

HĐQT CTCP Nafoods Group (HOSE: NAF) công bố nghị quyết thông qua việc mua cổ phần tại 2 công ty thực phẩm. Cụ thể, NAF dự kiến mua thêm 5.88 triệu cổ phần tại CTCP Thực phẩm Nghệ An (Naprod) với giá chuyển nhượng 37,000 đồng/cp, tương đương tổng chi khoảng 217.7 tỷ đồng, nâng tỷ lệ sở hữu tại đây lên 99.9% vốn điều lệ. Đồng thời, HĐQT NAF đưa ra nghị quyết mua thêm 445,000 cổ phần tại CTCP Nafoods Tây Bắc - đang là công ty con của NAF, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu lên 99.9%

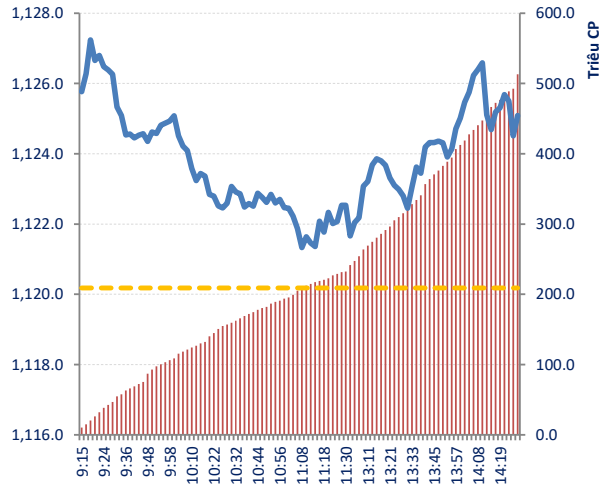
VNPT lãi ròng 2022 gần 5.4 ngàn tỷ, nhưng rơi mất gần 1.2 ngàn tỷ vì đầu tư chứng khoán

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán 2022 mới công bố, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) báo doanh thu gần như đi ngang, nhưng lợi nhuận có sự chuyển biến đáng kể với mức tăng 8% so với cùng kỳ. Cụ thể, năm 2022, VNPT đạt doanh thu thuần gần 51.9 ngàn tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện năm trước. Giá vốn chỉ tăng 2% nên sau khi khấu trừ, lãi gộp của Doanh nghiệp gần như đi ngang, đạt hơn 14.55 ngàn tỷ đồng.

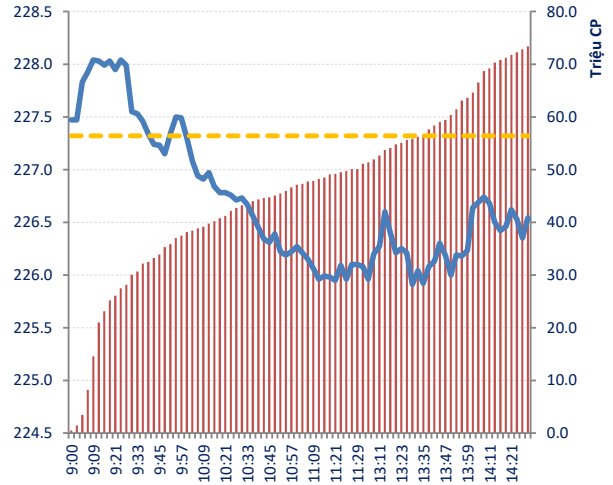


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

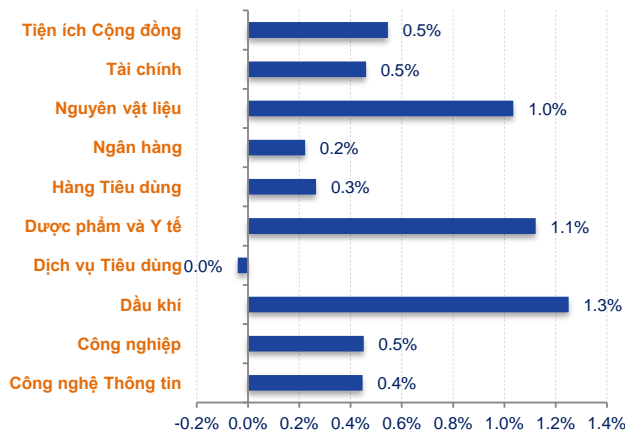
KLGD và VN-Index trong phiên



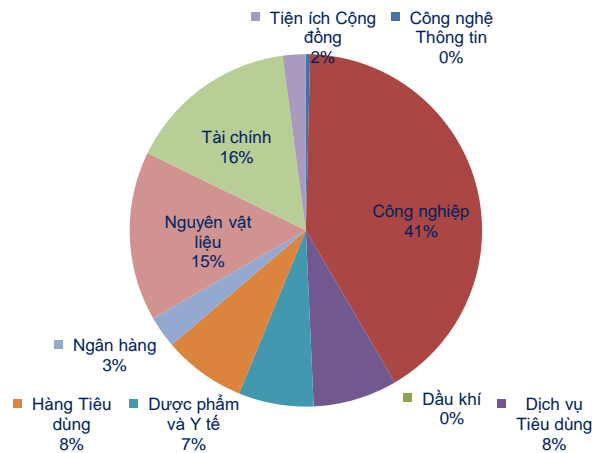
KLGD và HNX-Index trong phiên



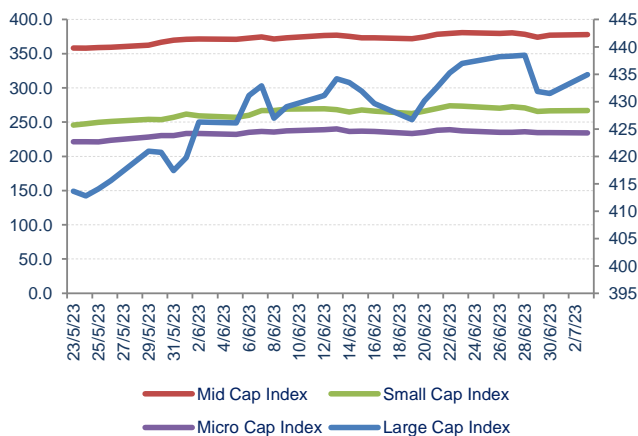
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



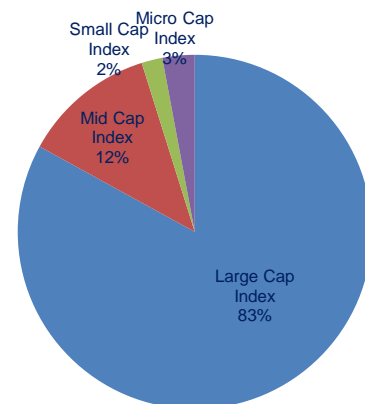
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	4,630,500	VPB	1,797,500
2	SSI	2,534,600	POW	1,443,000
3	VHM	1,126,900	HDB	675,300
4	VHC	698,500	KBC	659,800
5	SHB	682,700	PNJ	478,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	1,986,700	CEO	96,260
2	API	84,700	PSW	55,000
3	SD9	81,100	NVB	50,000
4	PVS	59,600	BVS	40,000
5	TNG	23,200	PGS	18,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.50	12.95	↑ 3.60%	38,240,800
NVL	14.85	14.55	↓ -2.02%	30,110,100
EIB	21.25	20.60	↓ -3.06%	23,348,324
HPG	26.15	26.20	↑ 0.19%	17,327,101
VPB	19.85	19.85	→ 0.00%	14,737,600

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	13.20	13.40	↑ 1.52%	12,455,994
API	7.60	6.90	↓ -9.21%	11,545,469
IDJ	8.10	7.30	↓ -9.88%	10,839,265
APS	8.70	7.90	↓ -9.20%	7,252,038
PVS	32.40	33.20	↑ 2.47%	5,707,059

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDH	4.87	5.21	0.34	↑ 6.98%
POM	6.45	6.90	0.45	↑ 6.98%
MDG	15.85	16.95	1.10	↑ 6.94%
VHC	65.00	69.50	4.50	↑ 6.92%
SVC	41.40	44.25	2.85	↑ 6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LDP	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
PSW	8.30	9.10	0.80	↑ 9.64%
DPC	12.50	13.70	1.20	↑ 9.60%
HHC	109.50	120.00	10.50	↑ 9.59%
THS	15.70	17.20	1.50	↑ 9.55%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMT	24.35	22.65	-1.70	↓ -6.98%
ABR	13.30	12.40	-0.90	↓ -6.77%
TTB	2.39	2.23	-0.16	↓ -6.69%
TRA	93.30	87.60	-5.70	↓ -6.11%
VAF	10.70	10.05	-0.65	↓ -6.07%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NTH	60.00	54.00	-6.00	↓ -10.00%
DAD	22.00	19.80	-2.20	↓ -10.00%
HJS	43.40	39.10	-4.30	↓ -9.91%
IDJ	8.10	7.30	-0.80	↓ -9.88%
SDU	35.70	32.20	-3.50	↓ -9.80%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	38,240,800	18.7%	2,610	4.8	0.8
NVL	30,110,100	1.8%	414	35.8	0.7
EIB	23,348,324	14.8%	2,030	10.5	1.5
HPG	17,327,101	0.7%	114	229.0	1.6
VPB	14,737,600	11.8%	1,796	11.0	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,455,994	2.1%	224	58.9	1.1
API	11,545,469	8.2%	921	8.2	0.6
IDJ	10,839,265	8.0%	901	9.0	0.7
APS	7,252,038	-44.5%	(5,589)	-	0.7
PVS	5,707,059	5.6%	1,498	21.6	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDH	↑ 7.0%	-10.7%	(503)	-	1.3
POM	↑ 7.0%	-50.1%	(5,223)	-	0.7
MDG	↑ 6.9%	13.6%	2,182	7.3	1.0
VHC	↑ 6.9%	21.4%	9,001	7.2	1.5
SVC	↑ 6.9%	11.9%	4,144	10.0	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LDP	↑ 10.0%	-39.5%	(3,691)	-	1.0
PSW	↑ 9.6%	-0.8%	(106)	-	0.7
DPC	↑ 9.6%	-33.8%	(6,029)	-	0.9
HHC	↑ 9.6%	8.8%	2,893	37.9	3.2
THS	↑ 9.6%	8.5%	1,235	12.7	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4,630,500	0.7%	114	229.0	1.6
SSI	2,534,600	6.9%	1,035	24.9	1.7
VHM	1,126,900	24.9%	8,269	6.7	1.5
VHC	698,500	21.4%	9,001	7.2	1.5
SHB	682,700	18.7%	2,610	4.8	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,986,700	2.1%	224	58.9	1.1
API	84,700	8.2%	921	8.2	0.6
SD9	81,100	0.2%	37	221.6	0.3
PVS	59,600	5.6%	1,498	21.6	1.2
TNG	23,200	17.8%	2,666	7.1	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	473,252	23.2%	6,533	15.3	3.3
VHM	239,490	24.9%	8,269	6.7	1.5
BID	219,287	19.7%	3,972	10.9	2.0
VIC	194,511	5.1%	1,800	28.3	1.4
GAS	177,997	24.1%	7,689	12.1	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,486	5.6%	1,498	21.6	1.2
IDC	13,992	34.3%	6,675	6.4	2.2
THD	13,895	4.0%	672	59.0	2.3
KSF	12,150	4.9%	1,094	37.0	1.8
BAB	11,668	9.6%	1,139	12.3	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.47	-0.4%	(48)	-	0.5
DXG	3.38	-1.5%	(355)	-	0.6
TGG	2.91	-15.6%	(2,111)	-	0.3
LDG	2.76	-2.1%	(267)	-	0.4
EVG	2.70	0.9%	113	50.2	0.5

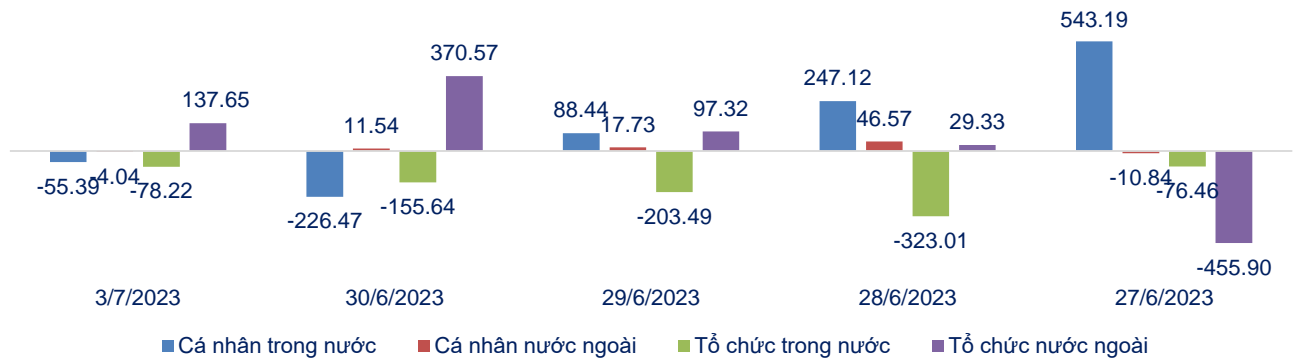
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	3.25	8.2%	921	8.2	0.6
IDJ	2.97	8.0%	901	9.0	0.7
APS	2.94	-44.5%	(5,589)	-	0.7
KSQ	2.92	-20.9%	(2,031)	-	0.3
VIG	2.68	3.6%	244	31.1	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	62.23	23.5%	3,881	18.3	4.3
PNJ	51.61	21.5%	5,368	14.0	2.7
NVL	31.58	1.8%	414	35.8	0.7
POW	30.40	5.2%	729	18.4	0.9
KBC	22.44	11.2%	2,620	11.2	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-73.99	0.7%	114	229.0	1.6
SSI	-65.69	6.9%	1,035	24.9	1.7
VHM	-65.28	24.9%	8,269	6.7	1.5
VHC	-55.15	21.4%	9,001	7.2	1.5
FPT	-33.11	22.2%	5,057	17.0	3.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	2.58	1.8%	414	35.8	0.7
DIG	2.54	2.2%	276	76.4	1.6
HPG	2.47	0.7%	114	229.0	1.6
GEX	0.99	0.1%	23	853.5	0.8
DXG	0.73	-1.5%	(355)	-	0.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHC	-2.44	21.4%	9,001	7.2	1.5
SSI	-2.21	6.9%	1,035	24.9	1.7
BID	-2.08	19.7%	3,972	10.9	2.0
KBC	-1.19	11.2%	2,620	11.2	1.2
POW	-1.19	5.2%	729	18.4	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	35.04	11.8%	1,796	11.0	1.3
FPT	33.28	22.2%	5,057	17.0	3.5
STB	32.93	14.9%	3,006	9.9	1.4
MBB	28.51	23.1%	3,961	5.1	1.1
TCB	12.33	17.2%	5,446	5.9	1.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-55.45	23.5%	3,881	18.3	4.3
HPG	-46.99	0.7%	114	229.0	1.6
NVL	-30.27	1.8%	414	35.8	0.7
PNJ	-16.19	21.5%	5,368	14.0	2.7
SHB	-13.34	18.7%	2,610	4.8	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	118.51	0.7%	114	229.0	1.6
SSI	67.55	6.9%	1,035	24.9	1.7
VHM	62.59	24.9%	8,269	6.7	1.5
VHC	50.20	21.4%	9,001	7.2	1.5
SHB	9.90	18.7%	2,610	4.8	0.8

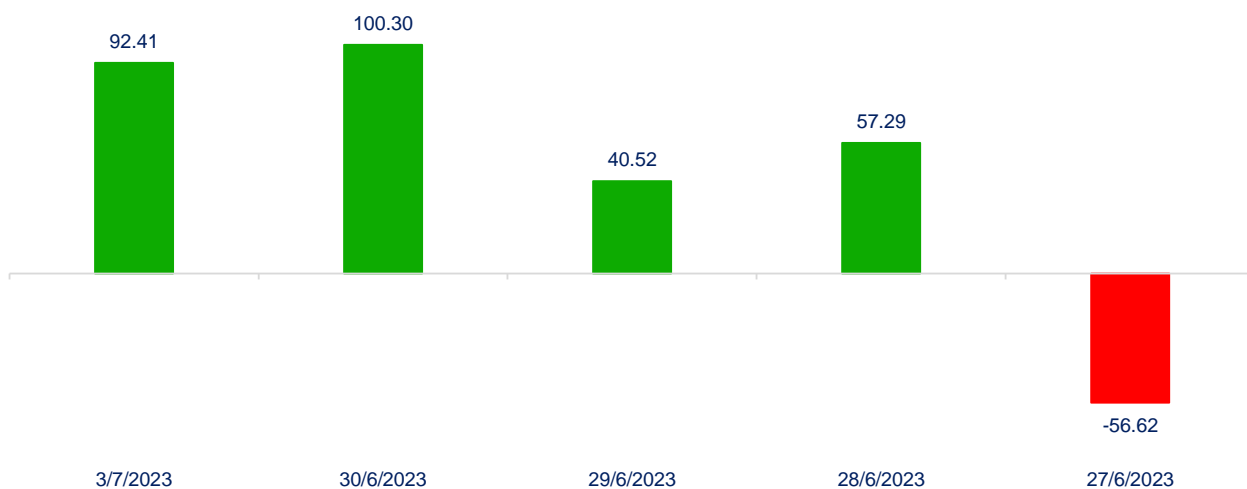
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-35.91	11.8%	1,796	11.0	1.3
PNJ	-35.52	21.5%	5,368	14.0	2.7
KBC	-18.47	11.2%	2,620	11.2	1.2
POW	-18.10	5.2%	729	18.4	0.9
DGC	-14.50	47.4%	13,357	4.8	2.2

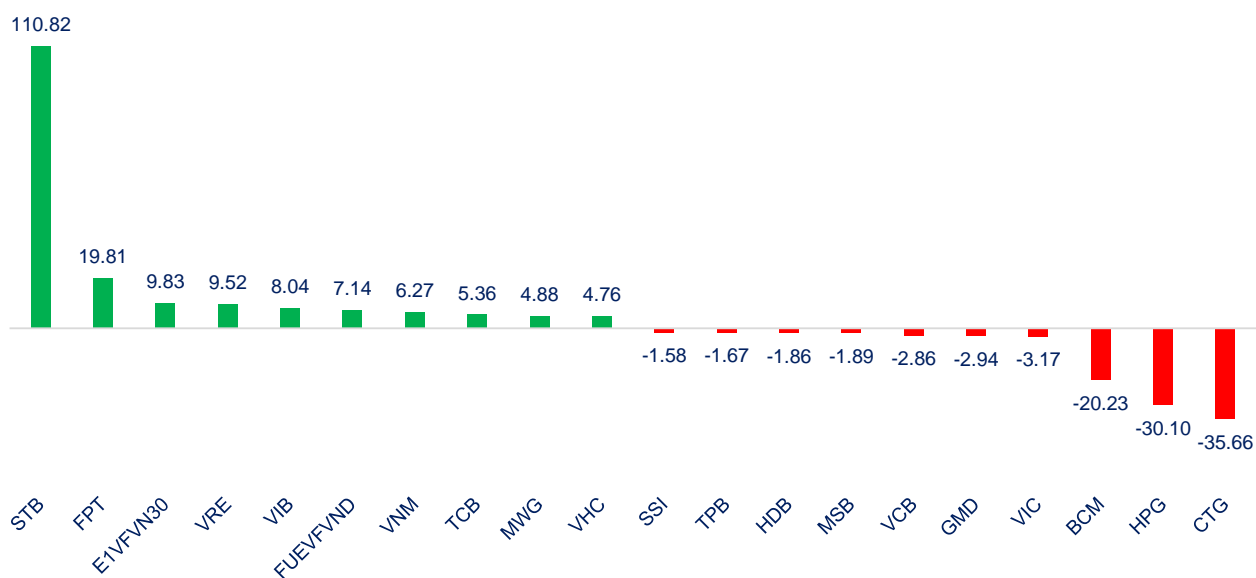


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
